お知らせ ・ Thông báo

無料テンプレート

ゴミの 分け方と 出し方

Cách phân loại và bỏ rác

	やさしい日本語	Tiếng Việt（ベトナム語）
1	ゴミは 3つに 分けて 捨てて ください。	Hãy phân loại rác thành 3 loại rồi mới bỏ.
2	燃える ゴミ：生ゴミ、紙くず、汚れた プラスチック など	Rác cháy được (燃えるゴミ): rác nhà bếp (thức ăn thừa), giấy vụn, đồ nhựa bị bẩn, v.v.
3	燃えない ゴミ：割れた 食器や ガラス、なべなどの 金属	Rác không cháy được (燃えないゴミ): bát đĩa bị vỡ, đồ thủy tinh bị vỡ, đồ kim loại như nồi, v.v.
4	資源ゴミ（缶、びん、ペットボトル）は、中を 水で 洗って から 出して ください。 ペットボトルの キャップと ラベルは 外して、ボトルと 分けて ください。	Rác tài nguyên (資源ゴミ) gồm lon, chai lọ thủy tinh, chai nhựa (ペットボトル): hãy rửa bên trong bằng nước rồi mới mang ra. Với chai nhựa, hãy tháo nắp và nhãn ra, để riêng với chai.
5	出す 日は、ゴミの 種類で ちがいます。 ____に 貼って ある ゴミの カレンダーを 見て ください。	Ngày thu gom rác (収集日) khác nhau tùy theo loại rác. Hãy xem lịch thu gom rác (ゴミのカレンダー) được dán ở ____.
6	収集日の 朝 ____**時まで**に、ゴミ置き場に 出して ください。 前の 日の 夜には 出さないで ください。	Hãy mang rác ra nơi để rác (ゴミ置き場) **chậm nhất là lúc ____ giờ sáng** ngày thu gom (収集日). Không được mang rác ra vào tối hôm trước.
7	ゴミ袋は、____（市・町・村）の 指定袋を 使って ください。	Hãy dùng túi rác quy định (指定袋) của ____ (市・町・村).
8	正しく 分けて いない ゴミは、ゴミを 集める 人が 持って いきません。	Rác không phân loại đúng thì người thu gom sẽ không mang đi.
9	大きい ゴミ（家具、自転車 など）や、分け方が わからない ゴミは、捨てる 前に ____に 聞いて ください。	Rác cỡ lớn (粗大ゴミ) như đồ nội thất, xe đạp, hoặc rác không biết cách phân loại: hãy hỏi ____ trước khi bỏ.

ゴミで よく 聞く ことば Từ thường gặp về rác

分別	粗大ゴミ	ゴミ置き場	指定袋
phân loại rác	rác cỡ lớn	nơi để rác	túi rác quy định